

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẨM SƠN 1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- **Tên nhà trường:** “Trường Tiểu học Cẩm Sơn 1”
- **Địa chỉ:** Tổ 5, khu Tây Sơn 1, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả.
- **Điện thoại:** 02033.861.305
- **Email:** c1camson1@campha.edu.vn
- **Website:** campha.edu.vn/thcamson1
- **Loại hình của cơ sở giáo dục:** Trường phổ thông công lập
- **Cơ quan quản lý trực tiếp:** Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả

1. Sứ mạng, tầm nhìn, hệ giá trị cơ bản và mục tiêu chiến lược

a) Sứ mạng: Tạo dựng môi trường học tập và rèn luyện có nề nếp, kỷ cương, có chất lượng, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân, có khả năng thích ứng mạnh mẽ và trở thành công dân tốt. Tiếp tục xây dựng nhà trường trở thành *Trường học hạnh phúc*.

b) Tầm nhìn: Là một trong những trường ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục. Duy trì, giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia. Là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình. Nơi giáo viên và học sinh luôn tự giác phấn đấu, sáng tạo vươn lên vì sự phát triển của bản thân và truyền thống nhà trường.

c) Hệ thống giá trị cơ bản:

- Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên: *Đoàn kết; Đổi mới, Tình thương; Kỷ cương, trách nhiệm*

+ *Đoàn kết:* Đồng tâm vươn lên, vượt qua mọi thử thách, xây dựng nhà trường lớn mạnh từng ngày, xây dựng lòng tự hào cho tất cả các thành viên trong trường.

+ *Đổi mới, sáng tạo:* Luôn đổi mới chính mình, luôn trau dồi kiến thức mới, nêu cao tinh thần tự giác, chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, quản lý và các hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

+ *Tình thương:* Mỗi một thành viên trong trường đều coi học sinh như con em chính mình; cố gắng mang những gì tốt đẹp nhất của mình giới thiệu, chia sẻ cho học sinh.

+ *Kỷ cương, trách nhiệm:* Quan tâm đến từng học sinh, giúp mỗi trò đều tiến bộ trong học tập, trong cuộc sống, với một thái độ chân thành. Nhận thức

được trách nhiệm, danh dự của chính mình trên mọi hoạt động giáo dục, mọi hành động cư xử với học sinh, cha mẹ học sinh, cũng như với toàn xã hội.

- Đối với học sinh: *Trung thực, thật thà; Tự giác; Sáng tạo; Nỗ lực*

+ *Trung thực, thật thà*: Luôn thành thực với chính bản thân mình, với mọi người, với công việc, chân thật trong từng lời nói và hành động. Thật thà là bổn phận của mỗi học sinh.

+ *Tự giác*: Tự giác học, tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao, tự giác làm những việc giúp đỡ bố mẹ...

+ *Sáng tạo*: Luôn nêu cao tinh thần tự giác, chủ động, linh hoạt trong việc học tập. Thúc đẩy tính sáng tạo của học sinh giúp HS không chỉ phát triển tư duy tốt mà còn có cách ứng phó, xử lý những sự việc diễn ra trong cuộc sống hàng ngày được linh hoạt hiệu quả hơn.

+ *Nỗ lực*: Luôn cố gắng vươn lên, học hỏi không ngừng để đạt được mục tiêu, ước mơ, khẳng định giá trị của bản thân.

d) Mục tiêu chiến lược:

(1) Xây dựng lực lượng sư phạm vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt trong giao tiếp, có tâm huyết với nghề, yêu mến ngôi trường mình đang công tác và đặc biệt đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới phát triển giáo dục toàn diện của nhà trường.

(2) Tiếp tục thực hiện dạy học linh hoạt trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng, phát huy năng lực của học sinh. Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục, phát triển 5 phẩm chất chủ yếu và 10 năng lực cốt lõi; giáo dục học sinh hình thành phong cách: tự tin, tự chủ, tự trọng và có trách nhiệm với bản thân.

(3) Xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, có đầy đủ cơ sở vật chất để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh; tạo lập môi trường thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

(4) Xây dựng nhà trường ổn định về chất lượng giáo dục, có chất lượng giáo dục đạt cao”.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường Tiểu học Cẩm Sơn 1 tiền thân là trường tiểu học Cao Sơn được thành lập từ năm 1993. Tháng 9 năm 2004 được đổi tên thành trường Tiểu học Cẩm Sơn 1 theo quyết định số 1957/2004-QĐ/UB ngày 09/12/2004 của ủy ban nhân dân thị xã Cẩm Phả.

Trường tiểu học Cẩm Sơn 1 đã có hơn 20 năm xây dựng và trưởng thành. Trong suốt quá trình đó, nhà trường luôn triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, tăng cường kỷ cương, nền nếp, chủ động phối hợp với các lực lượng xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng trong công tác quản lý và giảng dạy. Chất lượng giáo dục hàng năm có sự chuyển biến rõ rệt, tỉ lệ học sinh

hoàn thành chương trình lớp học trên 99%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp/hoàn thành chương trình tiểu học Tiểu học là 100%.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình tâm huyết với nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, tập thể nhà trường là một khối đoàn kết. Tỉ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn là 100%, số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp hàng năm trên 50%, nhiều viên chức được tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua, được nhận Giấy khen, Bằng khen của các cấp. Nhà trường luôn giữ vững được truyền thống “Dạy tốt, học tốt”; được các cấp, ngành ghi nhận thành tích và tặng nhiều giấy khen. Hàng năm, Chi bộ Đảng luôn đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; nhà trường đạt Tập thể Lao động tiên tiến trở lên; Công đoàn, Liên Đội đạt Vững mạnh cấp Thành phố trở lên. Năm học 2024-2025, Liên đội đề nghị BCH tỉnh Đoàn Quảng Ninh tặng Bằng khen “Liên Đội đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi năm học 2024-2025”.

Tháng 02/2025, trường được đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2; đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 (*Quyết định số 22/QĐ-SGDĐT, ngày 02/4/2025 của Sở GDĐT V/v cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Tiểu học Cẩm Sơn 1, thành phố Cẩm Phả; Quyết định số 17/QĐ-SGDĐT, ngày 02/4/2025 của Sở GDĐT V/v cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho Trường Tiểu học Cẩm Sơn 1, thành phố Cẩm Phả*).

3. Thông tin người đại diện pháp luật và là người phát ngôn

- Họ và tên: **Trần Minh Hạnh**
- Chức vụ: **Hiệu trưởng**
- Địa chỉ nơi làm việc: **Trường Tiểu học Cẩm Sơn 1, thành phố Cẩm Phả**
- Số điện thoại: **0763.335.000**
- Địa chỉ thư điện tử: **tranminhhanh.cp@campha.edu.vn**

4. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập của nhà trường: Quyết định số 1957/2004-QĐ/UB ngày 09/12/2004 của Ủy ban nhân dân thị xã Cẩm Phả.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả Về việc kiện toàn Hội đồng trường các trường Mầm non và Phổ thông công lập thuộc UBND thành phố nhiệm kì 2021-2026 (kèm theo Danh sách).

c) Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường: Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả Về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường các trường Mầm non và Phổ thông công lập thuộc thành phố Cẩm Phả nhiệm kì 2021-2026 2026.

d) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/08/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc điều

động, bổ nhiệm cán bộ.

e) Quyết định điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức lãnh đạo quản lý.

g) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Quyết định số 511/QĐ-THCS1 ngày 25/10/2024 của trường TH Cẩm Sơn 1 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường (chỉ rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường).

h) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

- Hiệu trưởng:

Họ và tên: Trần Minh Hạnh; Giới tính: Nữ; Năm sinh: 1970

Điện thoại: 0763.335.000

Địa chỉ thư điện tử: ht.tranminhhanh@gmail.com

Nơi làm việc: Trường Tiểu học Cẩm Sơn 1 (Phòng Hiệu trưởng, tầng 2, khu nhà C).

Nhiệm vụ: Quản lý và điều hành mọi hoạt động chung của nhà trường; Chịu trách nhiệm trước UBND thành phố Cẩm Phả, UBND phường Cẩm Sơn, Phòng GD&ĐT Cẩm Phả về toàn bộ hoạt động của nhà trường. Chỉ đạo thực hiện: Công tác tham mưu; Công tác kế hoạch – nhân sự; Công tác quản lý học sinh; Công tác quản lý tài chính, tài sản của đơn vị; Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; Công tác thực hiện dân chủ, công khai trong trường học, thực hiện các chế độ chính sách với người học, người làm; Công tác kiểm tra nội bộ trường học. Trực tiếp chỉ đạo Tổ Văn phòng, công tác Y tế trường học. Tham gia giảng dạy 02 tiết/tuần. Các nhiệm vụ khác theo quy định và phân công nhiệm vụ của cấp trên, đơn vị.

- Phó Hiệu trưởng:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thủy; Giới tính: Nữ; Năm sinh: 1976

Điện thoại: 0931.575.996

Địa chỉ thư điện tử: hp.c1camson1@campha.edu.vn

Nơi làm việc: Trường TH Cẩm Sơn 1 (Phòng Phó Hiệu trưởng, tầng 3, khu nhà C).

Nhiệm vụ: Trực tiếp chỉ đạo, điều hành các công việc liên quan đến các công tác sau: Công tác chuyên môn; Công tác bồi dưỡng đội ngũ, BDTX; Công tác Công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Công tác Phổ cập giáo dục; Công tác học sinh - sinh viên; Công tác khuyến học; Công tác Đoàn – Đội; Công tác Thư viện, Thiết bị giáo dục; quản lý cơ sở vật chất; Công tác xây dựng trường học an toàn về ATGT, PCTT-TKCN, PCCC. Có trách nhiệm tham mưu với Hội đồng trường, Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành: Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025; Kế hoạch

kiểm định chất lượng theo giai đoạn, năm học; Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024-2025; Kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất năm 2025; Quy chế chuyên môn; Quy chế quản lý, sử dụng TBGD; Quy chế quản lý, sử dụng các phần mềm; Các Quyết định thành lập Ban tổ chức, Ban kiểm tra, Ban Giám khảo, Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra, các Hội đồng... các văn bản chỉ đạo chung, các báo cáo của nhà trường liên quan đến các công tác được phân công trực tiếp chỉ đạo, điều hành. Tham gia giảng dạy 04 tiết/tuần. Các nhiệm vụ khác theo quy định và phân công nhiệm vụ của cấp trên, đơn vị.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(Biểu 01 kèm theo)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

(Biểu 02 kèm theo)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD), xây dựng trường chuẩn quốc gia theo năm học

1.1. Kết quả tự đánh giá KĐCLGD năm học 2024-2025:

- Đạt KĐCLGS Cấp độ 2;
- Đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

1.2. Đối sánh với năm học trước liền kề:

- Duy trì kết quả đánh giá; không tăng, không giảm.

1.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2025-2026:

Lập kế hoạch cải tiến chất lượng (CTCL) nhằm duy trì vững chắc kết quả các tiêu chí đã đạt mức tối đa; tập trung CTCL đối với 05 tiêu chí chưa đạt mức 3 (1.1; 3.1; 3.5; 3.6; 4.2) và phấn đấu nâng mức 4.

*** Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp/ Điều kiện thực hiện
Xây dựng kế hoạch chiến lược 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035	- Người chủ trì: Chi bộ - HĐT, CBQL, GV, NV: Phối hợp	Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện KH chiến lược 5 năm qua; xây dựng KH chiến lược giai đoạn mới, xác định nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp chi tiết, sát tình hình thực tế của nhà trường. địa phương.
Công khai tuyên truyền rộng rãi phương hướng chiến lược nhà trường	-Hiệu trưởng: Chủ trì - CBQL, GV,	- Thông tin tuyên truyền qua cuộc họp CMHS. - Gửi tới các các ban ngành đoàn thể địa

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp/ Điều kiện thực hiện
giai đoạn 2025-2030	NV: Phối hợp	phương - Đăng lên các fanpage của trường, chia sẻ nhóm zalo của các lớp học.
Lấy ý kiến trong cộng đồng để xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển của nhà trường.	-Hiệu trưởng: Chủ trì - CBQL, GV, NV: Phối hợp	- Trưng cầu ý kiến CMHS trong các cuộc họp CMHS. - Xin ý kiến nhân dân và các đoàn thể xã hội qua kỳ họp HĐND phường.

*** Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học**

- *Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập.*

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Nguồn kinh phí
- Trồng thêm và chăm sóc, bảo vệ cây xanh	- Giáo viên, học sinh	- Trồng thêm, chăm sóc, tưới cây, vun xới cây xanh khu vực sân trường	- Nguồn ngân sách và xã hội hoá.

- *Tiêu chí 3.5: Thiết bị*

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện/ giải pháp thực hiện	Nguồn kinh phí
Xây dựng kế hoạch tự làm đồ dùng dạy học từ đầu năm học theo nhu cầu và đề xuất của các Tổ chuyên môn, GV, nhân viên thiết bị.	CBGVNV	- Xây dựng kế hoạch ĐDDH có chất lượng và tập trung vào các mô hình học tập sáng tạo, tổ chuyên môn nâng cao chất lượng sinh hoạt CM, về tác dụng, cách sử dụng các TBDH	Ngân sách dành cho sự nghiệp GD
- Bám sát kế hoạch, đôn đốc làm đồ dùng dạy học tự làm, có tiêu chí đánh giá đồ dùng dạy học và có sổ theo dõi, cập nhật thiết bị kịp thời.	CBGVNV	- Có nhiều sản phẩm phong phú đa dạng và sáng tạo hơn.	Ngân sách dành cho sự nghiệp GD

- *Tiêu chí 3.6: Thư viện*

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Dự kiến kinh phí
Triển khai và khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý thư viện bảo đảm quy định tại khoản 4 Điều 4 - TT16/2022-BGD.	Nhà trường Công ty cung cấp	Nhân viên Thư viện tham mưu kịp thời với lãnh đạo đơn vị. Lãnh đạo đơn vị xây dựng kế hoạch mua phần	Ngân sách không tự chủ

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Dự kiến kinh phí
	phần mềm	mềm quản lý Thư viện. Liên hệ với công ty cung cấp phần mềm	
Nâng cao sự phong phú của nguồn tài nguyên thông tin mở rộng của Thư viện.	Nhà trường	Nhân viên Thư viện rà soát, lên kế hoạch mua sắm, bổ sung hằng năm và tham mưu với lãnh đạo để mua sắm kịp thời.	Ngân sách không tự chủ
Tăng số lượng và chất lượng nguồn tài nguyên thông tin là học liệu điện tử.	GV	GV tích cực xây dựng các video bài giảng, Power Point bài giảng có chất lượng.	

*** Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

- *Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.*

- Tăng cường viết tin bài đăng tải trên hệ thống cổng thông tin của trường, của địa phương, của ngành để tuyên truyền; biên tập những nội dung cần thiết để đề nghị tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh của địa phương...

- Tiếp tục xây dựng danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, bám sát các tiêu chí để tổ chức thực hiện hiệu quả. Đề nghị công nhận cho giai đoạn mới.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt KĐCLGD, trường đạt chuẩn quốc gia theo giai đoạn

2.1. Kết quả đánh giá ngoài giai đoạn 5 năm (từ năm học 2019-2020 đến 2023-2024):

- Đạt KĐCLGD Cấp độ 2 (*Quyết định số 22/QĐ-SGDĐT, ngày 02/4/2025 của Sở GDĐT V/v cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Tiểu học Cẩm Sơn 1, thành phố Cẩm Phả*).

- Đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1 (*Quyết định số 17/QĐ-SGDĐT, ngày 02/4/2025 của Sở GDĐT V/v cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho Trường Tiểu học Cẩm Sơn 1, TP Cẩm Phả*).

2.2. Kế hoạch cải tiến chất lượng giai đoạn 5 năm (từ năm học 2024-2025 đến 2028-2029):

Lập kế hoạch CTCL nhằm duy trì vững chắc kết quả các tiêu chí đã đạt mức tối đa; tập trung CTCL đối với 05 tiêu chí chưa đạt mức 3 (1.1; 3.1; 3.5; 3.6; 4.2) và phấn đấu nâng mức 4:

*** Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

- *Tiêu chí 1.1 Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường*

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp/ Điều kiện thực hiện
Công khai tuyên truyền rộng rãi phương hướng chiến lược nhà trường giai đoạn 2025-2030.	-Hiệu trưởng: Chủ trì - CBQL, GV, NV: Phối hợp	- Thông tin tuyên truyền qua cuộc họp CMHS. - Gửi tới các các ban ngành đoàn thể phường Cẩm Sơn. - Đăng lên các fanpage của trường, chia sẻ nhóm zalo của các lớp học.
Lấy ý kiến trong cộng đồng để xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển của nhà trường.	-Hiệu trưởng: Chủ trì - CBQL, GV, NV: Phối hợp	- Trưng cầu ý kiến CMHS trong các cuộc họp CMHS. - Xin ý kiến nhân dân và các đoàn thể xã hội qua kỳ họp HĐND phường.

*** Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học**

- *Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập.*

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
- Trồng thêm và chăm sóc, bảo vệ cây xanh	- Giáo viên, học sinh	- Trồng thêm, chăm sóc, tưới cây, vun xới cây xanh khu vực sân trường	- Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo.	- Nguồn ngân sách và xã hội hoá.

- *Tiêu chí 3.5: Thiết bị.*

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện/ giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Phải tổ chức xây dựng kế hoạch đồ dùng dạy học tự làm từ đầu năm học theo nhu cầu và đề xuất của các Tổ chuyên môn, GV, nhân viên thiết bị.	CBGVNV	- Xây dựng kế hoạch ĐDDH có chất lượng và tập trung vào các mô hình học tập sáng tạo, tổ chuyên môn nâng cao chất lượng sinh hoạt CM, về tác dụng, cách sử dụng các TBDH	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Ngân sách dành cho sự nghiệp giáo dục.
- Bám sát kế hoạch, đơn đốc làm đồ dùng dạy học tự làm, có tiêu chí đánh giá đồ dùng dạy học và có sổ theo dõi, cập nhật thiết bị kịp thời.	CBGVNV	- Có nhiều sản phẩm phong phú đa dạng và sáng tạo hơn.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Ngân sách dành cho sự nghiệp giáo dục.

- Tiêu chí 3.6: Thư viện

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Triển khai và khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý thư viện bảo đảm quy định tại khoản 4 Điều 4 - TT16/2022-BGD.	Nhà trường Công ty cung cấp phần mềm	Nhân viên Thư viện tham mưu kịp thời với lãnh đạo. Lãnh đạo xây dựng kế hoạch mua phần mềm quản lý Thư viện. Liên hệ với công ty cung cấp phần mềm	- Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Ngân sách không tự chủ
Nâng cao sự phong phú của nguồn tài nguyên thông tin mở rộng của Thư viện.	Nhà trường	Nhân viên Thư viện rà soát, lên kế hoạch mua sắm, bổ sung hằng năm và tham mưu với lãnh đạo để mua sắm kịp thời.	- Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Ngân sách không tự chủ
Tăng số lượng và chất lượng nguồn tài nguyên thông tin là học liệu điện tử.	GV	GV tích cực xây dựng các video bài giảng, Power Point bài giảng có chất lượng.	- Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	

*** Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

- Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường (Tiếp tục thực hiện kế hoạch CTCL như năm học 2025-2026 cho các năm học tiếp theo).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

TT	Số liệu	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Đối sánh số liệu
I	HỌC SINH			
1	Kết quả tuyển sinh đầu cấp	158	163	Tăng 5 HS
2	Tổng số HS	850	853	Tăng 3 HS
3	Số lớp	26	26	
	- Khối lớp 1	156 HS/5 lớp	161 HS/5 lớp	Tăng 05 HS
	- Khối lớp 2	170 HS/5 lớp	154 HS/5 lớp	Giảm 16 HS
	- Khối lớp 3	183 HS/5 lớp	165 HS/5 lớp	Giảm 18 HS
	- Khối lớp 4	194 HS/6 lớp	183 HS/5 lớp	Giảm 11 HS
	- Khối lớp 5	147 HS/5 lớp	190 HS/6 lớp	Tăng 43 HS
4	Bình quân số HS/lớp	33	33	

TT	Số liệu	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Đối sánh số liệu
5	Số HS Nam	436	436	
6	Số HS Nữ	414	417	Tăng 03 HS
7	Số HS dân tộc	32	28	Giảm 04 HS
8	Số HSKT học HN	13	17	Tăng 04 HS
9	Số HS học 2 buổi/ngày	850 (100%)	853 (100%)	Tăng 3 HS
10	Số HS học bán trú	647	716	Tăng 69 HS
11	Số HS chuyển đi	35	25	Giảm 10 HS
12	Số HS chuyển đến	23	22	Giảm 01 HS
II	KẾT QUẢ GIÁO DỤC			
13	Kết quả giáo dục			
	- Hoàn thành xuất sắc	300 (35,29%)	353 (41,38%)	Tăng 6,09%
	- Hoàn thành tốt	201 (23,65%)	191 (22,39%)	
	- Hoàn thành	345 (40,59%)	307 (35,99%)	
	- Chưa hoàn thành	04 (0,47%)	02 (0,24%)	Giảm 0,23%
14	Khen thưởng	501 (58,94%)	544 (63,77%)	Tăng 4,83%
	- HS Xuất sắc	300 (35,3%)	353 (41,38%)	Tăng 6,08%
	- HS tiêu biểu HTT	300 (35,3%)	191 (22,39%)	
15	Số HS HTCT lớp học	846 (99,53%)	851 (99,76%)	Tăng 05 HS
17	Số HS chưa HTCT lớp học	04 (0,47%)	02 (0,24%)	Giảm 02 HS
17	Số HS lớp 5 HTCT TH	147 (100%)	190 (100%)	Tăng 43 HS

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		
2. Kết quả thu chi hoạt động			
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	8,369,534,000	6,147,850,000
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học		
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	Chi lương, thu nhập	6,952,839,869	4,918,051,757
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	6,952,839,869	4,918,051,757
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	674,637,325	505,416,433
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	674,637,325	505,416,433
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	85,265,000	96,695,904
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	656,791,806	627,685,906

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác kiểm tra nội bộ

Tổng số cuộc kiểm tra nội bộ: 14 cuộc. Cụ thể:

- Kiểm tra công tác quản lý của thủ trưởng đơn vị: 01 cuộc
- Kiểm tra hoạt động của các tổ chuyên môn: 01 cuộc
- Kiểm tra công tác thiết bị, thư viện trường học: 01 cuộc
- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao của viên chức:
 - + Kiểm tra toàn diện việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên: 05 cuộc (trung bình tối thiểu 03 giáo viên/cuộc)
 - + Kiểm tra chuyên đề: 04 cuộc (tối thiểu 05 giáo viên/cuộc)
- Kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ trong trường học: 01 cuộc
- Kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra nội bộ năm học 2024 -2025: 01 cuộc.

2. Công tác thi đua, khen thưởng

- *Kết quả tham gia phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo”, “Đền ơn đáp nghĩa”, công tác từ thiện nhằm giáo dục tinh thần tương thân, tương ái, ... của CBGVNV: hỗ trợ giúp 68 hộ thoát cận nghèo trên địa bàn Thành phố năm 2024: 16.206.000 đồng; ủng hộ Nhân dân tỉnh Quảng Ninh khắc phục thiên tai*

do cơn bão số 3: 21.977.300 đồng; Ủng hộ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Quảng Ninh nhân ngày Người Khuyết tật Việt Nam (18/4): 1.300.000 đồng.

+ CBGVNV và HS ủng hộ 2 phong trào “Mùa xuân biên giới” và chương trình “Xuân chia sẻ - Tết nhân ái” số tiền: 23.395.000đ; mua tấm ủng hộ Hội người mù Cẩm Phả, tổng số: 852 gói bằng 8.520.000đ.

- *Phong trào khuyến học*: Phối hợp các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các mạnh thường quân tặng quà cho HS vượt khó vươn lên trong học tập: nhân dịp Khai giảng năm học mới: 10 suất quà (*UBND phường Cẩm Sơn 05 suất, ngân hàng Viettinbank 05 suất*). Tặng 502 suất quà Tết Trung thu (*UBND Thành phố 02 suất; Công đoàn Công ty than Cao Sơn: 500 suất*); tặng 07 góc học tập cho 07 HS (*ĐTN phường 02 góc học tập; Phụ huynh Đặng Thị Sáu - lớp 2A1 tặng 5 góc học tập*). Gia đình Bác Vũ Văn Quảng, phụ huynh lớp 1A2 tặng 31 suất quà, mỗi suất quà trị giá 535.000đ (tổng trị giá: 16.585.000đ). HKH phường Cẩm Sơn tặng 05 suất quà, mỗi suất 1.000.000đ (tổng số tiền: 5.000.000đ). HKH Thành phố tặng 10 suất quà, mỗi suất 1.000.000đ; Riêng em Bùi Phúc An – 3A5 được nhận thêm 1.000.000đ do CLB Tâm Bằng Hữu thành phố Cẩm Phả tặng cho HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- *Tham gia phong trào thi đua*: “*Xây dựng lớp học thân thiện gắn với phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”*”, thực hiện Nghị quyết 32- NQ/TU ngày 20/7/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy Cẩm Phả về “*Xây dựng thành phố Cẩm Phả - Thành phố không rác thải, sạch đẹp, an toàn*”: Học sinh toàn trường tham gia chương trình “Thu gom vỏ chai, can nhựa để tái chế và cải thiện cảnh quan trường” nhằm góp phần khắc phục hậu quả sau cơn bão số 3: Tạo được 9 khóm hoa cảnh đẹp mắt thay thế 9 gốc sấu khô do ảnh hưởng của bão. 100% các lớp tham gia phong trào xây dựng “Lớp học thân thiện” được trang trí, xây dựng góc cây xanh, góc thư viện tạo không gian lớp học thân thiện.

- *Kết quả tham gia thao giảng, hội thi của giáo viên*: (1) Thao giảng: Tổng số 39 tiết, trong đó Giỏi: 19 tiết (48,7%), Khá: 19 tiết (48,7%); TB: 01 tiết (2,6%). (2) Tham gia Hội thi GV dạy giỏi cấp Tỉnh: 02 GV (Lưu Thị Xuân và Trần Thị Huyền) đạt kết quả tốt. (3) Tham gia Hội thi GVCN giỏi: Cấp trường: 13 GV (50%); Cấp Thành phố: 08 GV (30,8%), trong đó có 01 GV đạt kết quả Xuất sắc trong Hội thi.

3. Tổ chức nghiên cứu đề xuất lựa chọn sách giáo khoa, lưu giữ hồ sơ của nhà trường

Tổ chức các Hội nghị lựa chọn và đề xuất danh mục SGK theo Chương trình GDPT 2018 từ cấp Tổ đến hội nghị của Hội đồng lựa chọn SGK của nhà trường đúng quy trình, đảm bảo hiệu quả thực hiện. Lưu trữ đầy đủ hồ sơ gồm các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp; kế hoạch triển khai của nhà trường; phiếu đánh giá, lựa chọn SGK của cá nhân; biên bản lựa chọn SGK của Tổ chuyên môn, của HĐLC SGK; Báo cáo danh mục SGK trường lựa chọn; quyết định danh mục SGK trường lựa chọn sử dụng trong năm học 2025 -2026. Đảm bảo các tiêu chí lựa chọn, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương,

điều kiện tổ chức dạy và học của đơn vị và vì quyền lợi của học sinh. Thống nhất tiếp tục lựa chọn SGK sử dụng năm học 2024-2025 tiếp tục sử dụng trong năm học 2025-2026 trừ SGK môn Tiếng Anh được lựa chọn lại là Bộ sách Global Success đối với và ba khối 3, 4, 5.

4. Phát triển kho học liệu, bài giảng minh hoạ, học liệu điện tử, dạy học trực tuyến

100% giáo viên có học liệu điện tử phát triển kho học liệu của đơn vị. Lưu trữ, phân loại, quản lý học liệu số trên Driver phục vụ công tác giáo dục của đơn vị và báo cáo cấp quản lý.

Trong năm học 2024-2025 có 119 video bài giảng điện tử và 270 phiếu bài tập điện tử đã được tổ chuyên môn thông qua và được Hiệu trưởng phê duyệt. Kho học liệu phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Kết quả tự đánh giá CDS năm học 2024-2025: Đạt mức 3.

5. Tăng cường huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục

Cha mẹ học sinh ủng hộ cơ sở vật chất góp phần tăng cường thiết bị dạy học hiện đại và tăng cường hệ thống cây xanh hưởng ứng Tết trồng cây năm 2025 với tổng số tiền 31.179.000đ (06 cây xanh bóng mát trị giá 22.000.000đ; 01 ti vi 65 inch trị giá 9.179.000đ).

Huy động CMHS đóng góp công sức để khắc phục hậu quả cơn bão số 3 Yagi, dọn vệ sinh, trang trí trường lớp sạch đẹp.

6. Đẩy mạnh công tác truyền thông

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về hoạt động triển khai chương trình sách giáo khoa mới; tuyên truyền về các hoạt động giáo dục, những kết quả đạt được của đơn vị. Đa dạng các hình thức tuyên truyền nhằm đạt mục tiêu tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng, đến toàn thể giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh.

Có 20 bài tuyên truyền qua chương trình phát thanh măng non của Đội và lồng ghép vào tiết Chào cờ và Sinh hoạt lớp. Có nhiều tin bài về các hoạt động của nhà trường đăng trên trang facebook, cổng thông tin của đơn vị.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Cẩm Sơn 1.

Nơi nhận:

- Chi bộ;
- Hội đồng trường;
- CBGVNV;
- Công khai trên Cổng TTĐT;
- Lưu: Hồ sơ CK.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Minh Hạnh

THÔNG TIN CÔNG KHAI

Về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên

(Kèm theo Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Cẩm Sơn 1)

[illegible]

Biểu 02:

THÔNG TIN CÔNG KHAI
Về Cơ sở vật chất, sách giáo khoa, tài liệu học tập của học sinh
(Kèm theo Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Cẩm Sơn 1)

1. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân theo quy định	Bình quân theo thực tế
I	Số phòng học/số lớp	26/26		
II	Loại phòng học			
1	Phòng học kiên cố	26		
2	Phòng học bán kiên cố	0		
3	Phòng học tạm	0		
4	Phòng học nhờ, mượn	0		
III	Số điểm trường	1		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5.602.6 m ²	6m ² /hs	6,6 m ² /hs
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.644 m ²		
VI	Tổng diện tích các phòng	Số lượng	Tổng DT	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.352 m ²	1,25 m ² /hs	1,58 m ² /hs
2	Diện tích thư viện (m ²)	01		104 m ²
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	01		411 m ²
4	Diện tích phòng học Mỹ thuật (m ²)	01		52 m ²
5	Diện tích phòng học Âm nhạc (m ²)	01		52 m ²
	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	01		52 m ²
6	Diện tích phòng học trải nghiệm (m ²)	01		52 m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	01		52 m ²
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	01		26 m ²
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	01		52 m ²

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân theo quy định	Bình quân theo thực tế
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	SL	Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	26	26/26 lớp	27/26 lớp
1.1	Khối lớp 1	5	5/5 lớp	7/5 lớp
1.2	Khối lớp 2	5	5/5 lớp	3/5lớp
1.3	Khối lớp 3	5	5/5 lớp	5/5 lớp
1.4	Khối lớp 4	5	5/5 lớp	6/5lớp
1.5	Khối lớp 5	6	6/6 lớp	6/6 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	18		18
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			
1	Ti vi	26		26
2	Cát xét	0		0
3	Đầu Video/đầu đĩa	2		2
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	07		07
5	Bộ thiết bị đồ dùng phòng học trải nghiệm	01 bộ		01 bộ
X	KHÁC	Có	Không	
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x		
2	Nguồn điện (lưới)	x		
3	Kết nối internet	x		
4	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x		
5	Tường rào xây	x		

2. Sách giáo khoa, tài liệu học tập

TT	SGK, tài liệu học tập	Tên bộ sách/NXB	Số lượng	Tỷ lệ sách/HS	Ghi chú
LỚP 1					
A	Sách giáo khoa				
1	Tiếng Việt (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	336	100%	
2	Toán	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	168	100%	
3	Tự nhiên Xã hội	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	168	100%	
4	Hoạt động trải nghiệm	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	168	100%	
5	Đạo Đức	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	168	100%	
6	Âm nhạc	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	168	100%	
7	Mĩ thuật	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	168	100%	
8	Giáo dục thể chất	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	168	100%	
B	Tài liệu học tập khác	LỚP 1			
1	Vở BT Tiếng Việt (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	336	100%	
2	Vở BT Toán (Tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	336	100%	
3	Vở BT Tự nhiên Xã hội	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	168	100%	
4	Vở BT Hoạt động trải nghiệm	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	168	100%	
5	Vở BT Đạo Đức	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	168	100%	
6	Vở Thực hành Mỹ thuật	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	168	100%	
7	Vở Tập viết (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	336	100%	
8	Bài tập Toán(tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học QGHN	336	100%	
LỚP 2					
A	Sách giáo khoa				
1	Tiếng Việt (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	320	100%	
2	Toán (Tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	320	100%	
3	Tự nhiên Xã hội	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	160	100%	
4	Hoạt động trải nghiệm	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	160	100%	
5	Đạo Đức	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	160	100%	

TT	SGK, tài liệu học tập	Tên bộ sách/NXB	Số lượng	Tỷ lệ sách/HS	Ghi chú
6	Âm nhạc	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	160	100%	
7	Mĩ thuật	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	160	100%	
8	Giáo dục thể chất	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	160	100%	
B	Tài liệu học tập khác	LỚP 2			
1	Vở BT Tiếng Việt (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	320	100%	
2	Vở BT Toán (Tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	320	100%	
3	Vở BT Tự nhiên Xã hội	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	160	100%	
4	Vở BT Hoạt động trải nghiệm	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	160	100%	
5	Vở BT Đạo Đức	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	160	100%	
6	Vở Thực hành Mỹ thuật	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	160	100%	
7	Vở Tập viết (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	320	100%	
8	Bài tập Toán(tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học QGHN	320	100%	
LỚP 3					
A	Sách giáo khoa				
1	Tiếng Việt (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	342	100%	
2	Toán(Tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	342	100%	
3	Tự nhiên Xã hội	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	171	100%	
4	Hoạt động trải nghiệm	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	171	100%	
5	Đạo Đức	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	171	100%	
6	Âm nhạc	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	171	100%	
7	Mĩ thuật	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	171	100%	
8	Giáo dục thể chất	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	171	100%	
9	Tin học	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	171	100%	
10	Tiếng anh	Bộ sách Cánh Buồm/NXB Đại học Sư phạm	171	100%	
B	Tài liệu học tập khác	LỚP 3			
1	Vở BT Tiếng Việt (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	342	100%	
2	Vở BT Toán (Tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	342	100%	

TT	SGK, tài liệu học tập	Tên bộ sách/NXB	Số lượng	Tỷ lệ sách/HS	Ghi chú
3	Vở BT Tự nhiên Xã hội	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	171	100%	
4	Vở BT Hoạt động trải nghiệm	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	171	100%	
5	Vở BT Đạo Đức	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	171	100%	
6	Vở Thực hành Mỹ thuật	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	171	100%	
7	Vở Tập viết (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	342	100%	
8	Bài tập Toán (Tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học QGHN	342	100%	
9	Vở BT Tiếng anh	Bộ sách Cánh Buồm/NXB Đại học Sư phạm	171	100%	
10	Vở BT Âm nhạc	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	171	100%	
LỚP 4					
A	Sách giáo khoa				
1	Tiếng Việt (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	378	100%	
2	Toán(Tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	378	100%	
3	Tự nhiên Xã hội	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	189	100%	
4	Hoạt động trải nghiệm	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	189	100%	
5	Đạo Đức	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	189	100%	
6	Âm nhạc	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	189	100%	
7	Mỹ thuật	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	189	100%	
8	Giáo dục thể chất	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	189	100%	
9	Tin học	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	189	100%	
10	Tiếng anh	Bộ sách Cánh Buồm/NXB Đại học Sư phạm	189	100%	
11	Lịch sử và Địa lý	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	189	100%	
12	Khoa học	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	189	100%	
13	Công nghệ	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm TPHCM	189	100%	
B	Tài liệu học tập khác	LỚP 4			
1	Vở BT Tiếng Việt (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	378	100%	
2	Vở BT Toán (Tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	378	100%	
3	Vở BT Tự nhiên Xã hội	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	189	100%	

TT	SGK, tài liệu học tập	Tên bộ sách/NXB	Số lượng	Tỷ lệ sách/HS	Ghi chú
4	Vở BT Hoạt động trải nghiệm	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	189	100%	
5	Vở BT Đạo Đức	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	189	100%	
6	Vở Thực hành Mĩ thuật	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	189	100%	
7	Bài tập Toán (tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học QGHN	378	100%	
8	Vở BT Tiếng anh	Bộ sách Cánh Buồm/NXB Đại học Sư phạm	189	100%	
9	Vở BT Âm nhạc	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	189	100%	
LỚP 5					
A	Sách giáo khoa				
1	Tiếng Việt (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	396	100%	
2	Toán (Tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	396	100%	
3	Tự nhiên Xã hội	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	198	100%	
4	Hoạt động trải nghiệm	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	198	100%	
5	Đạo Đức	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	198	100%	
6	Âm nhạc	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	198	100%	
7	Mĩ thuật	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	198	100%	
8	Giáo dục thể chất	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	198	100%	
9	Tin học	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	198	100%	
10	Tiếng anh	Bộ sách Cánh Buồm/NXB Đại học Sư phạm	198	100%	
11	Lịch sử và Địa lý	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	198	100%	
12	Khoa học	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	198	100%	
13	Công nghệ	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm TPHCM	198	100%	
B	Tài liệu học tập khác	LỚP 5			
1	Vở BT Tiếng Việt (Tập 1,2)	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	396	100%	
2	Vở BT Toán (Tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	396	100%	
3	Vở BT Tự nhiên Xã hội	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	198	100%	
4	Vở BT Hoạt động trải nghiệm	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	198	100%	
5	Vở BT Đạo Đức	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	198	100%	

TT	SGK, tài liệu học tập	Tên bộ sách/NXB	Số lượng	Tỷ lệ sách/HS	Ghi chú
6	Vở Thực hành Mỹ thuật	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học Sư phạm	198	100%	
7	Bài tập Toán (tập 1,2)	Bộ sách Cánh Diều/NXB Đại học QGHN	198	100%	
8	Vở BT Tiếng anh	Bộ sách Cánh Buồm/NXB Đại học Sư phạm	198	100%	
9	Vở BT Âm nhạc	Bộ sách Kết nối/NXB Giáo dục Việt Nam	198	100%	
